

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 11 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị G, sinh năm 1977 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2018 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lâm Thị G trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 1999 bà (Lâm Thị G) và ông Huỳnh Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau chứng nhận vào ngày 15/4/2010. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do ông Đ không làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, thường xuyên kiểm

chuyện chửi bà vô cớ. Bà và ông Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Bà tự nhận thấy không có khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ. Về con chung có 02 người tên là Huỳnh Thái N (giới tính nam) sinh ngày 12/9/1999 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống và Huỳnh N (giới tính nữ) sinh ngày 30/4/2005. Hiện Huỳnh N đang do bà nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 695.000 đồng. Tại phiên tòa, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Huỳnh Văn Đ vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Chính quyền địa phương áp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau xác định: Quá trình chung sống, giữa bà Lâm Thị G và ông Huỳnh Văn Đ phát sinh mâu thuẫn đương sự không thông báo và cũng không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nên không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Lâm Thị G ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về người nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không đề nghị đặt ra xử lý. Về án phí buộc bà Lâm Thị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Lâm Thị G yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối ông Huỳnh Văn Đ là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Lâm Thị G và ông Huỳnh Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau, được chứng nhận kết hôn vào ngày 15/4/2010 nên hôn nhân được công nhận là hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Lâm Thị G và ông Huỳnh Văn Đ được công nhận là vợ chồng.

Về mâu thuẫn, bà G cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do ông Đ không làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, thường

xuyên kiểm chuyện chửi bà vô cớ. Thực tế bà G và ông Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2012 cho đến nay mà không thể hòa giải, hàn gắn. Bà G xác định tình cảm dành cho ông Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ. Ông Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp lời khai chứng cứ, đồng thời không tham gia hòa giải cho thấy ông Đ không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy, hôn nhân giữa bà G và ông Đ đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị G là có căn cứ.

[3]. Về con chung có 02 người tên là Huỳnh Thái N (giới tính nam) sinh ngày 12/9/1999 hiện đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống và Huỳnh N (giới tính nữ) sinh ngày 30/4/2005. Hiện Huỳnh N đang do bà G nuôi dưỡng, bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện con chung đang do bà G nuôi, việc tiếp tục giao con chung cho bà G nuôi là có căn cứ, điều này phù hợp với nguyện vọng của người con chung chưa đủ 18 tuổi, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình khởi kiện, bà G yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 695.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà G không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về yêu cầu cấp dưỡng của bà G.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[5]. Do ông Huỳnh Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời không làm việc được đối với ông Đ nên các vấn đề có liên quan như tài sản chung, nợ chung nếu các đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lâm Thị G phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Thị G ly hôn với ông Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao người con chung tên là Huỳnh N (giới tính nữ) sinh ngày 30/4/2005 cho bà Lâm Thị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lâm Thị G về việc không yêu cầu ông Huỳnh Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Lâm Thị G đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007307 ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã T, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước

